

Số: /BC-THCSNT

Mường Thanh, ngày 25 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO Thường niên năm 2025

Thực hiện Thông tư số: 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ GD&ĐT quy định về công khai trong hoạt động của các cơ ở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Trường THCS Nam Thanh Báo cáo công tác hoạt động của đơn vị năm 2025 cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG CỦA ĐƠN VỊ

1. Thông tin chung về sơ sở giáo dục; người đại diện theo pháp luật

Tên cơ sở giáo dục : Trường trung học cơ sở Nam Thanh

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân phường Mường Thanh

Tỉnh	Điện Biên	Họ và tên người đại diện theo pháp luật	Trần Thị Thanh Tịnh Chức vụ: Hiệu trưởng
TP	Điện Biên Phủ	Điện thoại	0965456089
Phường	Nam Thanh	Email cá nhân	tingh81db@gmail.com.vn
Đạt chuẩn quốc gia	2010	Website trường	http://thcsnamthanh.muongthanh.edu.vn
Năm thành lập	2003	Email trường	thcsnamthanh@gmail.com
Công lập	x	Số điểm trường	0
Tư thục	0	Loại hình khác	0
Trường chuyên biệt	0	Thuộc vùng khó khăn	0
Trường liên kết với nước ngoài	0	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	0

2. Địa chỉ trụ sở chính: Trường THCS Nam Thanh đóng trên địa bàn tổ dân phố 5, phường Mường Thanh, cách trung tâm khoảng 5 km về phía Tây. Phường có 51 tổ dân phố, bản và 01 cụm dân cư. Phường có diện tích tự nhiên là 27,56km, có 13 dân tộc đang sinh sống.

3. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của sơ sở giáo dục

3.1 Sứ mạng

Đào tạo học sinh phát triển toàn diện về nhân cách và trí tuệ, có những kỹ năng sống cơ bản, hiểu biết và phát huy các giá trị truyền thống của dân tộc, có khả năng hội nhập quốc tế.

3.2 Tầm nhìn

Tiên phong đổi mới, không ngừng sáng tạo, với những quan điểm giáo dục hiện đại phù hợp, với đội ngũ giàu tâm huyết, đoàn kết để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển hài hòa giữa trí tuệ, thể chất, nhân cách và những năng lực cần thiết tự tin hòa nhập với cuộc sống hiện đại

3.3. Mục tiêu

- Mục tiêu chung

Là trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

- Mục tiêu cụ thể

Chương trình giáo dục của nhà trường đảm bảo thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung giáo dục theo các văn bản quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, học sinh phải phát triển toàn diện, đạt yêu cầu sử dụng ngoại ngữ và tin học. Đổi mới và hiện đại hóa phương pháp giáo dục, dạy học theo hướng phát huy tối đa năng lực tự học, tự nghiên cứu, tự thu nhận và xử lý thông tin của thầy, trò một cách hệ thống và có tư duy phân tích - tổng hợp; phát triển tối đa năng lực của mỗi cá nhân, tăng cường tính chủ động, tự chủ, sáng tạo, hình thành và nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, áp dụng vào thực tiễn. Phát triển hình thức dạy, học qua mạng internet, giảng dạy bằng tiếng Anh cho một số chuyên đề, chủ điểm.

Thực hiện theo quy định tại Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; Thông tư 15/2026/TT-BGDĐT của Bộ giáo dục và Đào tạo; Trường THCS Nam Thanh thực hiện nhiệm vụ trên địa bàn phường Mường Thanh: Giảng dạy, huy động trẻ em lứa tuổi THCS đến trường; tổ chức giáo dục hòa nhập cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn; học sinh khuyết tật; thực hiện phổ cập giáo dục THCS. Dưới sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp, chính quyền địa phương, đặc biệt Sở GD&ĐT tỉnh Điện Biên; UBND phường Mường Thanh, cùng với sự nỗ lực của đội ngũ cán bộ giáo viên, học sinh nhà trường, chất lượng giáo dục đã có những chuyển biến rõ rệt, cụ thể:

Kết quả học tập và kết quả rèn luyện của học sinh luôn đảm bảo và ngày một nâng cao. Hàng năm nhà trường đều có học sinh giỏi cấp thành phường, cấp tỉnh; HS thi đỗ vào trường chuyên Lê Quý Đôn năm sau cao hơn năm trước.

Các tổ chức Chi Đoàn thanh niên; Liên đội Thiếu niên, Tiên phong Hồ Chí Minh; Chi Hội khuyến học; Chi Hội chữ thập đỏ; Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động tích cực, góp phần cùng nhà trường hoàn tốt nhiệm vụ các năm học.

Công tác thu chi tài chính của nhà trường luôn thực hiện nghiêm túc theo đúng nguyên tắc tài chính.

Với những nỗ lực đó nhà trường đã đạt được nhiều thành tích đáng ghi nhận: Từ năm 2003 đến nay nhà trường luôn duy trì danh hiệu tập thể lao động tiên tiến hoặc tập thể lao động xuất sắc, nhiều lần được UBND thành phố, UBND phường tặng giấy khen, Bằng khen của UBND tỉnh Điện Biên; cờ thi đua của UBND tỉnh Điện

Biên; Huân chương lao động hạng III, hằng năm nhiều cán bộ, giáo viên đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Lao động tiên tiến; được UBND thành phố, UBND phường tặng Giấy khen, Bằng khen của UBND tỉnh.

Tuy nhiên, để đáp ứng được yêu cầu của giáo dục trong giai đoạn hiện nay, đòi hỏi nhà trường phải không ngừng đổi mới, tích cực hòa nhập, giao lưu học hỏi, tiếp cận, tiếp thu những kiến thức, những kinh nghiệm tiên tiến của trường bạn về áp dụng vào trường mình một cách phù hợp, hiệu quả. Một yêu cầu đặt ra với cán bộ giáo viên, nhân viên, học sinh trường THCS Nam Thanh là phải luôn luôn cố gắng, học hỏi để duy trì, nâng cao chất lượng tiếp tục duy trì trường trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 giai đoạn 2023-2028.

4. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường Trung học cơ sở Nam Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên được thành lập ngày 17 tháng 08 năm 2000 lấy tên là trường Trung học cơ sở thị trấn Mường Thanh. Từ ngày 15 tháng 12 năm 2003 đổi tên trường thành trường Trung học cơ sở Nam Thanh theo Quyết định số 402/2003/QĐ-UB của UBND thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Khi thành lập trường, cơ sở vật chất còn khó khăn. Được sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp, các ngành, chính quyền địa phương, đặc biệt Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Điện Biên phủ, cùng với sự nỗ lực của đội ngũ cán bộ giáo viên, học sinh nhà trường; cơ sở vật chất được quan tâm đầu tư; chất lượng dạy và học có nhiều chuyển biến tích cực.

Trường có 01 Chi bộ đảng với 28 đảng viên được thành lập đúng quy định.

Cán bộ quản lý nhà trường gồm 03 đồng chí có năng lực và được bổ nhiệm theo đúng quy định.

Cơ sở vật chất ngày càng hiện đại, đáp ứng yêu cầu việc dạy và học với 13 phòng học kiên cố, 04 phòng bộ môn (02 phòng KHTN; 01 phòng Tiếng anh; 01 phòng học bộ môn Tin học); 01 dãy nhà hiệu bộ gồm 05 phòng (01 phòng làm việc của hiệu trưởng, 02 phòng làm việc của phó hiệu trưởng, 01 hành chính kế toán, 01 phòng họp); 01 phòng thư viện, 03 phòng làm việc của tổ chuyên môn, văn phòng, đoàn thể; 01 phòng y tế; 02 phòng kho; 03 khu nhà vệ sinh; 01 hệ thống nước sạch. Hệ thống các khối phòng hành chính, phòng học được trang bị khá đầy đủ, phục vụ tốt cho giảng dạy và học tập. Được sự chỉ đạo của UBND phường Mường Thanh, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên cùng với sự nỗ lực của đội ngũ cán bộ giáo viên, học sinh phường Mường Thanh đã hoàn thành phổ cập GDTHCS mức độ III năm 2025.

5. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập

Quyết định số 402/2003/QĐ-UB của UBND thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên về việc thành lập trường THCS Nam Thanh.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Quyết định số 75/QĐ-UBND ngày 17/1/2023 của UBND thành phố Điện Biên

Phủ về việc thành lập Hội đồng trường THCS Nam Thanh nhiệm kỳ 2023-2028; Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 21/2/2023 của UBND thành phố Điện Biên Phủ về việc Về việc công nhận chức danh Chủ tịch Hội đồng trường các trường Mầm non, Tiểu học, THCS, TH&THCS trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng
Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng số: 2086 /QĐ-UBND ngày 23/08/2022.

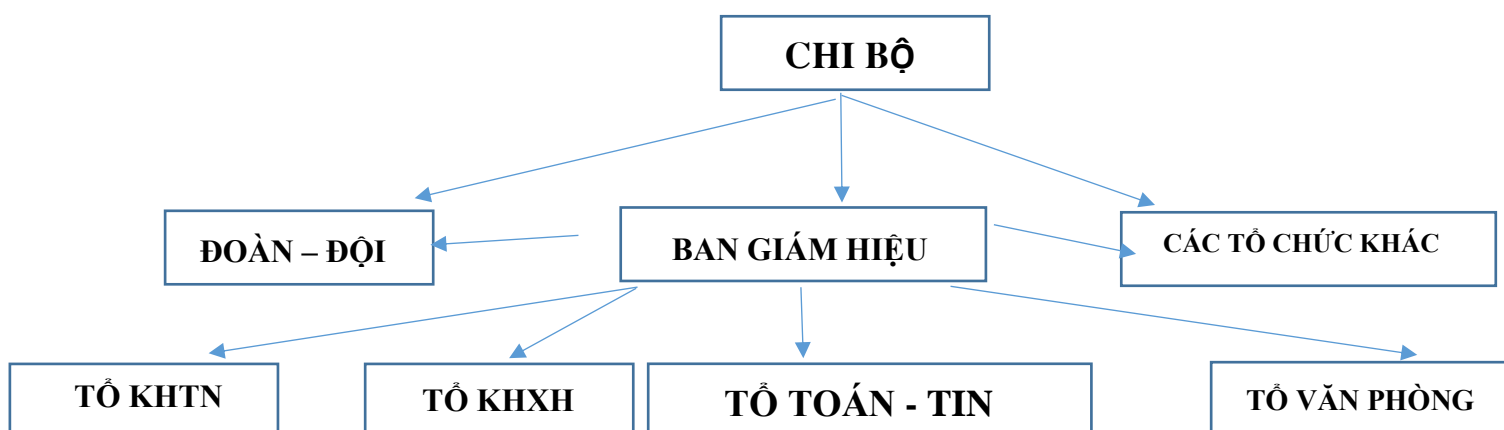
Quyết định Phó Hiệu trưởng số: 1958/QĐ-UBND ngày 14 / 10 /2024

Quyết định Phó Hiệu trưởng số: 143/QĐ-UBND ngày 12 / 3 /2026

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục; sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

Thông tư số: 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/6/2020; Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

e) Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục:



*) Là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND phường Mường Thanh, thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều lệ trường THCS và THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học được ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020; Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.
- Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.
- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.
- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

6. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của Hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

- Kế hoạch chiến lược phát triển trường THCS Nam Thanh giai đoạn 2022-2025 tầm nhìn 2030 đã được phòng GD&ĐT phê duyệt.

- Ban hành các Quyết định về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong trường THCS Nam Thanh năm học 2025– 2026; Quyết định về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công trong trường học; Quyết định về việc bổ nhiệm tổ trưởng các tổ chuyên môn, tổ văn phòng năm học 2025– 2026; Quyết định về việc ban hành quy tắc Ứng xử văn hóa trong trường học...

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên

	TS	Nữ	DT	Đảng viên	Trình độ chuyên môn						Biên chế	Hợp đồng
					ThS	ĐH	CĐ	TC	SC	CQĐT		
1. Ban giám hiệu	3	3	0	3	1	2					3	
Hiệu trưởng	1	0	0	1	1	0					1	
Phó hiệu trưởng	2	0	0	2	0	2					2	
2. Giáo viên giảng dạy	28	22	3	24	0	28	0				28	
- Văn, Sử, GDCD	8	8	1	7	0	8	0				8	

- Toán, Lý, CN	8	6	0	8	0	8	0				8	
- Sinh, Hoá, Địa	5	5	1	5	0	5	0				5	
- Tin	1	0	0	1	0	1	0				1	
- GDTC	2	0	1	1	0	2	0				2	
- Ngoại ngữ	2	1	0	2	0	2	0				2	
- Âm nhạc	1	0	0	1	0	1	0				1	
- Mỹ thuật	1	0	1	0	0	1	0				1	
3. TPT Đội TNTP HCM	1	1	1	1	0	1	0				1	
Bán chuyên trách	0	0	0	0		0					0	
4. Nhân viên	4	2	0	1	0	0	1	1		2	2	2
Thiết bị	0	0	0	0	0	0	0	0			0	
Thư viện	0	0	0	0	0	0	0	0			0	
Y tế	1	0	1	1	0	0	0	1			1	
Kế toán	1	0	0	1	0	0	1	0			1	
Phục vụ	0	0	0	0	0	0	0	0			0	
Bảo vệ	2	0	2	2	0	0	0	0		2	0	2

- 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt chuẩn trình độ đào tạo, và đạt chuẩn nghề nghiệp.

- 100% cán bộ giáo viên hoàn thành các chương trình bồi dưỡng hàng năm theo quy định.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	13	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	13	0.8m ²
2	Phòng học bán kiên cố		-

3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn	4	0.6m ²
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	1.8
8	Bình quân học sinh/lớp	436	33,5
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	4002	9,6
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1500	3,62
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	614,4 m ²	1,48m ²
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	256 m ²	0,62m ²
3	Diện tích thư viện (m ²)	96m ²	0,23m ²
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	0
5	<i>Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m²)</i>	46	3,54
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	4	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	4	0.33
1.1	Khối lớp 6	1	0.33
1.2	Khối lớp 7	1	0.25
1.3	Khối lớp 8	1	0.33
1.4	Khối lớp 9	1	0.33

2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		0	0		
2.1	Khối lớp 6		1			
2.2	Khối lớp 7		1			
2.3	Khối lớp 8		1			
2.4	Khối lớp 9		1			
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		50	0.5		
4	Khu vườn rau nội trú		0	0		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		31	Số học sinh/bộ 12,1/1		
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác			Số thiết bị/lớp		
1	Ti vi		02	0,81		
2	Cát xét		09	0,7		
3	Đầu Video/đầu đĩa		0	0		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		20	1.53		
5	Phòng học thông minh		7	0,6		
6	Thiết bị khác...		30	2,3		
7	Bàn ghế học sinh		300	18		
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	3		1/1		0.1 (m ²)
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0				

*) Công trình khác:

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	<i>x</i>	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		<i>x</i>
XVII	Kết nối internet	<i>x</i>	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	<i>x</i>	
XIX	Tường rào xây	<i>x</i>	

(Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020, Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

*) Sách giáo khoa, sách tham khảo: có đầy đủ đầu sách, số lượng sách theo danh mục được lựa chọn đáp ứng cho công tác dạy và học trong nhà trường.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá, đối sánh số liệu với năm liền kề.

Hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch tự đánh giá chất lượng giáo dục, kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá, rà soát đối chiếu kết quả đạt được với tiêu chí kiểm định đảm bảo duy trì kết quả đã đạt được đồng thời nhà trường phấn đấu để đạt kiểm định chất lượng về giáo dục và đề nghị đánh giá ngoài.

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Năm học 2025-2026 nhà trường tuyển sinh được 106/106 em đạt 100% vào lớp 6 với phương thức tuyển sinh là xét tuyển.

Thực hiện nghiêm kế hoạch giáo dục của nhà trường với các khối 6,7,8,9 thực hiện chương trình GDPT 2018 đảm bảo kế hoạch và mục tiêu đặt ra.

Trong năm học nhà trường đã xây dựng các quy chế dân chủ, quy chế làm việc, quy chế phối hợp giữa nhà trường và ban đại diện cha mẹ học sinh nhằm nâng cao chất lượng công việc, giáo dục đạo đức học sinh.

Năm học 2025-2026: Tổng số học sinh: 436 trong đó có 13 lớp (lớp 9; 03 lớp 8; 04; lớp 7: 03; lớp 6: 03) đạt 100% kế hoạch giao.

VỀ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC HỌC SINH TRONG NĂM HỌC 2025- 2026:

Kết quả chuyển lớp: $436/436 = 100\%$

Tỷ lệ học sinh hoàn thành CT THCS: $94/94 = 100\%$

Khối	Kết quả học tập								Kết quả rèn luyện							
	Tốt		Khá		Đạt		CD		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%
6	31	29,25%	42	39,62%	32	30,19%	0	0%	75	70,75%	27	25,47%	3	2,83%	0	0
7	28	28%	43	43%	29	29%	0	0%	83	83%	15	15%	2	2%	0	0
8	30	22,06%	52	38,24%	52	38,24%	2	1,47%	98	72,06%	35	25,74%	1	0,74%	2	1,47%
9	26	27,66%	36	38,30%	32	30,04%	0	0%	66	70,21%	23	24,47%	5	5,32%	0	0
Tổng	115	26,38%	173	39,68%	145	33,26%	2	0,46%	322	73,85%	100	22,94%	11	2,52%	2	0,46%

Tuyển sinh vào lớp 10 THPT

Năm 2025-2026 có 94 học sinh hoàn thành CT THCS có 90 học sinh tham gia thi tuyển sinh vào lớp 10 các trường THPT trên địa bàn tỉnh có 90/90 học sinh trúng tuyển; 4 HS học nghề; trong đó có 7 hs đỗ trường THPT chuyên Lê Quý Đôn; 4 HS đỗ trường PTDTNT tỉnh.

Tham gia các cuộc thi, hội thi:

Cuộc thi học sinh giỏi lớp 9, thi toán; tiếng anh trên mạng, Chuyển lớp, chuyển cấp

HSG lớp 9 cấp phường	HSG lớp 9 cấp Tỉnh	Chuyển lớp	Chuyển cấp
11/94=11,7%	5/94 = 5,3%	100%	100%

Các cuộc thi khác:

- Thi Sáng tạo TTNND: 2 sản phẩm tham gia thi cấp tỉnh
- Thi trên mạng : 53 giải cấp phường ;23 giải cấp tỉnh; 5 giải cấp Quốc gia
- Thi tìm hiểu về Bạo lực học đường : 3 giải cấp phường, 01 giải cấp tỉnh
- Giải bơi: 6 giải cấp phường
- Các hoạt động phong trào: Tham gia đầy đủ các hoạt động phong trào do các cấp tổ chức.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

STT	Chỉ tiêu	Năm báo cáo	Năm liền kề trước năm báo cáo
I	Dự toán, số dư năm trước chuyển sang	14.836.555	14.598.623
1	Nguồn ngân sách cấp	-	-
1.1	Nguồn chi thường xuyên	-	-
1.2	Nguồn chi không thường xuyên	-	-

2	Nguồn khác	14.836.555	14.598.623
	Học phí	14.836.555	14.598.623
II	Tổng số thu	10.364.533.549	9.129.660.000
1	Nguồn ngân sách cấp	10.086.913.549	8.805.960.000
1.1	Nguồn chi thường xuyên	8.898.296.549	7.555.910.000
1.2	Nguồn chi không thường xuyên	1.188.617.000	1.250.050.000
	Trong đó: - Nguồn 12	789.617.000	1.048.050.000
	- Nguồn 18 Thường theo NĐ 73/2024/NĐ-CP	399.000.000	202.000.000
2	Nguồn thu khác	277.620.000	323.700.000
	Học phí	88.150.000	87.150.000
	Dọn vệ sinh công cộng cho học sinh (Thỏa thuận)	37.400.000	60.480.000
	Trông xe đạp, xe đạp điện	28.170.000	27.540.000
	Hỗ trợ các hoạt động giáo dục; tu bổ cơ sở vật chất	123.900.000	148.530.000
III	Tổng số chi	10.132.613.559	9.121.284.068
1	Nguồn chi ngân sách	9.859.154.219	8.797.822.000
1.1	Nguồn chi thường xuyên	8.839.296.549	7.551.510.000
	Tiền lương và các khoản theo lương	8.567.534.894	7.156.403.842
	Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng	134.678.527	37.729.055
	Chi hoạt động giáo dục	137.083.128	357.377.103
1.2	Nguồn chi không thường xuyên	1.019.857.670	1.246.312.000
	Trong đó: - Mua sắm trang thiết bị dạy và học, sửa chữa	456.700.000	1.020.192.000
	- Hỗ trợ chi phí học tập, cấp bù học phí	63.270.000	24.120.000
	- Phần mềm, ứng dụng, hỗ trợ khác	17.000.000	
	- Chế độ GV dạy HSKT	83.887.670	
	- Thường theo NĐ 73/2024/NĐ-CP	399.000.000	202.000.000
2	Nguồn chi khác	273.459.340	323.462.068
	Chi cải cách tiền lương, chi hoạt động từ nguồn học phí	83.989.340	86.912.068
	Nước uống + dọn vệ sinh công cộng cho học sinh (Thỏa thuận)	37.400.000	60.480.000
	Trông xe đạp, xe đạp điện	28.170.000	27.540.000
	Hỗ trợ các hoạt động giáo dục; tu bổ cơ sở vật chất	123.900.000	148.530.000
IV	Số dư cuối kỳ	291.126.545	22.974.555
1	Nguồn ngân sách cấp (hủy dự toán)	6.208.330	8.138.000
1.1	Nguồn chi thường xuyên		4.400.000
1.2	Nguồn chi không thường xuyên	6.208.330	3.738.000
2	Nguồn khác	63.367.215	14.836.555
	Học phí	63.367.215	14.836.555

3	KP được phép chuyển sang năm sau sử dụng	221.551.000	
3.1	Kinh phí chi thường xuyên	59.000.000	
3.2	Kinh phí chi không thường xuyên	162.551.000	
3.3	Cải cách tiền lương		

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Công tác thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục

- Số học sinh bỏ học, số học sinh đi học không chuyên cần: Không.
- Tỷ lệ huy động: Tổng số trẻ hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học năm qua vào học lớp 6: 106/106, tỷ lệ 100%. Tổng số trẻ 11-14 tuổi học THCS 552/552, tỷ lệ 100%. Thanh thiếu niên trong độ tuổi từ 15-18 tốt nghiệp THCS đạt tỷ lệ 100%. Tổng số trẻ khuyết tật trong độ tuổi từ 11-15 tuổi trên địa bàn có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục 4/4; tỷ lệ: 100%.

2. Công tác thi đua

- Thành tích của tập thể nhà trường đạt: Tập thể lao động tiên tiến được UBND phường tặng giấy khen;
- Thành tích cá nhân:
 - + Cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt lao động tiên tiến: 36/36
 - + Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở: 8
 - + Giấy khen của UBND phường Mường Thanh : 9
 - + Giấy khen của Sở GD&ĐT : 01
 - + Bằng khen UBND tỉnh Điện Biên: 03
 - + Giáo viên dạy giỏi các cấp đạt: Cấp tỉnh 4; cấp phường :11; cấp trường: 14
 - + Cá nhân có sáng kiến kinh nghiệm cấp trường, cấp phường : 11
- Đoàn thanh niên, đội thiếu niên: hàng năm được thành đoàn Điện Biên Phủ khen có thành tích nổi bật trong công tác.

3. Các nhiệm vụ trọng tâm khác

- Quản trị nhân sự: Căn cứ nguồn nhân lực hiện có và mới bổ sung, phân công nhiệm vụ, PCGD phù hợp, hiệu quả.
- Tuyển sinh: Đảm bảo vượt Kế hoạch giao 106/95 học sinh.
- Truyền thông: Thực hiện hiệu quả, truyền tải được các thông tin quan trọng trên fanpage ngành và website trường.
- Kết quả thực hiện đảm bảo an ninh trường học, an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống cháy nổ đảm bảo an toàn, đúng quy định.

Trên đây là Báo cáo thường niên công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2025 của trường THCS Nam Thanh ./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT(b/c)
- Phòng VH-XH phường MT(b/c);
- Webservice nhà trường ;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Thanh Tịnh